

Số: 354/SGDDĐT-KTQLCLGDCNTT

Kon Tum, ngày 24 tháng 3 năm 2017

V/v hướng dẫn hồ sơ thi THPT
quốc gia năm 2017

Kính gửi:

- Các trường THPT, phổ thông dân tộc nội trú;
- Trung tâm giáo dục thường xuyên Tỉnh;
- Các trung tâm GDNN - GDTX;
- Phân hiệu THPT Lương Thế Vinh;
- Phân hiệu PT DTNT Kon Plong.

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (gọi tắt là Quy chế thi);

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (gọi tắt là Quy chế tuyển sinh);

Căn cứ Công văn số 417/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 10/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2017;

Căn cứ Công văn số 603/BGDĐT-GDĐH ngày 17/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2017;

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc chuẩn bị hồ sơ và lập hồ sơ thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2017 gồm các nội dung sau:

I. HỒ SƠ THI CỦA THÍ SINH

1. Đối với thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp THPT

1.1. Thí sinh học hết chương trình THPT trong năm học 2016 - 2017

a) Hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT)

- 02 Phiếu đăng ký dự thi giống nhau (Phiếu số 1, Phiếu số 2 do Sở GDĐT phát hành);

- Bản photocopy 2 mặt Giấy chứng minh nhân dân trên 1 mặt giấy A4;

- 02 ảnh cỡ 4x6 cm, 01 phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thí sinh. Ảnh của thí sinh bỏ vào phong bì nhỏ, yêu cầu thí sinh ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, học sinh trường vào phía sau ảnh và ngoài phong bì đựng ảnh.

Lưu ý: Ảnh của thí sinh là ảnh màu kiểu Giấy chứng minh nhân dân và

được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng.

b) Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT

- Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT (theo mẫu gửi kèm, nhà trường tự photocopy và phát cho học sinh);

- Học bạ THPT (bản chính); học bạ (bản chính) hoặc Phiếu kiểm tra của người học (bản sao) theo hình thức tự học đối với giáo dục thường xuyên (GDTX);

- Giấy khai sinh (bản sao);

- Các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có) gồm:

+ Giấy chứng nhận là thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh.

+ Giấy chứng nhận con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; người bị nhiễm chất độc màu da cam, con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học do phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) cấp;

+ Bản sao sổ đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135 (theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ); ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (theo Quyết định 539/QĐ-TTg, ngày 01/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ); ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi (theo Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/09/2013, Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc).

Lưu ý: Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng theo tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất. Những trường hợp đặc biệt sẽ do Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét, quyết định.

- Các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ cộng điểm khuyến khích (nếu có) gồm:

+ Giấy chứng nhận đoạt giải cá nhân trong kỳ thi học sinh giỏi các bộ môn văn hoá lớp 12: Đoạt giải nhất, nhì, ba và khuyến khích trong kỳ thi quốc gia hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba cấp tỉnh;

+ Giấy chứng nhận đoạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT;

+ Giấy chứng nhận nghề phổ thông đối với học sinh giáo dục THPT, học

viên GDTX trong diện xếp loại hạnh kiểm do sở GDĐT hoặc các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề do ngành Giáo dục cấp trong thời gian học THPT;

+ Chứng chỉ Ngoại ngữ hoặc Tin học (bao gồm cả chứng chỉ kỹ thuật viên tin học) được cấp theo quy định của Bộ GDĐT trong thời gian học THPT (đối với học viên GDTX).

1.2. Thí sinh tự do

a) Hồ sơ đăng ký dự thi: Như hồ sơ đăng ký dự thi đối với thí sinh học hết chương trình THPT trong năm học 2016 - 2017 (đã nêu ở phần trên).

b) Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT

Ngoài các loại hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp như thí sinh học hết chương trình THPT trong năm học 2016 - 2017 cần phải có thêm:

- Giấy xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú xác nhận không vi phạm pháp luật (*đối với những học sinh xếp loại yếu về hạnh kiểm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 của Quy chế thi*);

- Giấy xác nhận của trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc nơi đăng ký dự thi về xếp loại học lực (*đối với những học sinh xếp loại kém về học lực quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 của Quy chế thi*);

- Bản sao bằng tốt nghiệp THCS hoặc trung cấp;

- Giấy xác nhận điểm bảo lưu (nếu có);

- Giấy xác nhận không trong thời gian bị kỷ luật cấm thi của trường phổ thông nơi dự thi năm trước;

- Giấy xác nhận không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của UBND cấp xã nơi cư trú;

- Riêng các trường hợp thí sinh tự do từ tỉnh khác chuyển đến xin đăng ký dự thi tại tỉnh Kon Tum, phải có đơn xin dự thi và phải được sự đồng ý của Giám đốc Sở GDĐT Kon Tum.

Lưu ý: Thí sinh tự do bị mất bản chính học bạ THPT nhưng có nguyện vọng được dự thi năm 2017 phải có xác nhận lại bản sao học bạ được cấp, trên cơ sở đối chiếu với hồ sơ lưu của trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc căn cứ vào hồ sơ dự thi của các kỳ thi trước.

2. Đối với thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT

- 02 Phiếu đăng ký dự thi giống nhau (Phiếu số 1, Phiếu số 2 do Sở GDĐT phát hành);

- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc trung cấp (bản sao);

- Bản photocopy 2 mặt Giấy chứng minh nhân dân trên 1 mặt giấy A4;

- 02 ảnh cỡ 4x6 cm và 01 phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh. Ảnh của thí sinh bỏ vào phong bì nhỏ, yêu cầu thí sinh ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, học sinh trường vào phía sau ảnh và ngoài phong bì đựng ảnh.

Lưu ý: Ảnh của thí sinh là ảnh màu kiểu Giấy chứng minh nhân dân và được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng.

3. Một số điểm lưu ý về hồ sơ dự thi của thí sinh

3.1. Bản chứng thực của các hồ sơ liên quan là bản photocopy được cơ quan công chứng xác nhận; bản sao là bản photocopy từ bản chính được cơ quan công chứng xác nhận hay Bản sao được cơ quan có thẩm quyền cấp.

3.2. Chế độ ưu tiên, khuyến khích trong xét công nhận tốt nghiệp: Thực hiện theo Điều 36 của Quy chế thi, lưu ý một số điểm:

- Đối với người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên (tính đến ngày tổ chức kỳ thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất 2 phần 3 thời gian học cấp trung học phổ thông mới được hưởng chế độ ưu tiên.

- Các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ ưu tiên, hưởng cộng điểm khuyến khích nếu nộp sau ngày thi sẽ không có giá trị để xét hưởng chế độ ưu tiên, cộng điểm khuyến khích.

3.3. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh ĐH, CĐ: Thực hiện theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh.

3.4. Điểm bảo lưu

- Thí sinh dự thi đủ các môn quy định trong kỳ thi THPT năm 2016 nhưng chưa tốt nghiệp THPT và không bị kỷ luật huỷ kết quả thi thì được bảo lưu điểm thi của các bài thi hoặc các môn thành phần của bài thi KHTN, KHXH đạt từ 5,0 điểm trở lên trong kỳ thi THPT năm 2017 để xét công nhận tốt nghiệp THPT.

- Thí sinh không sử dụng điểm bảo lưu thì phải thi tất cả các môn đã đăng ký để xét công nhận tốt nghiệp THPT như thí sinh không có điểm bảo lưu.

- Hiệu trưởng trường ĐH, CĐ quyết định việc có sử dụng hay không sử dụng điểm bảo lưu trong kỳ thi THPT quốc gia để tuyển sinh.

- Xác định điểm bảo lưu của thí sinh ĐKDT như sau:

+ Đối với thí sinh đã ĐKDT Kỳ thi THPT quốc gia năm 2016 tại trường phổ thông: trường phổ thông căn cứ kết quả điểm thi năm 2016 (nếu có) để xác định điểm bảo lưu cho thí sinh;

+ Đối với thí sinh tự do đến từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh) khác: Điểm bảo lưu do **cơ quan chủ quản** của trường phổ thông nơi thí sinh đã dự thi Kỳ thi THPT quốc gia năm 2016 xác nhận.

3.5. Nhập Phiếu đăng ký dự thi, phải nhập cả ảnh của thí sinh (nhập từ file ảnh hoặc chụp ảnh trực tiếp). Ảnh của thí sinh đưa vào hệ thống có độ phân giải là 400x600 pixel và phải được gắn đúng với thí sinh.

II. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Nơi đăng ký dự thi

- Người học thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của

Quy chế thi (Người đã học hết chương trình THPT hoặc chương trình GDTX cấp THPT trong năm học 2016 - 2017) đăng ký dự thi tại trường phổ thông nơi học lớp 12, không được đăng ký dự thi ở cơ sở giáo dục khác.

- **Thí sinh tự do học chương trình THPT:** (dự thi để xét tốt nghiệp THPT; xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ; để xét tuyển sinh ĐH, CĐ): đăng ký dự thi tại trường phổ thông trên địa bàn huyện, thành phố nơi cư trú (theo xác nhận về cư trú của UBND cấp xã) hoặc tại trường phổ thông nơi học lớp 12.

- **Thí sinh tự do học chương trình GDTX:** (dự thi để xét tốt nghiệp THPT; xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh ĐH, CĐ; để xét tuyển sinh ĐH, CĐ): đăng ký dự thi tại Trung tâm GDTX Tỉnh, trung tâm GDNN - GDTX trên địa bàn huyện, thành phố nơi cư trú (theo xác nhận về cư trú của UBND cấp xã) hoặc tại trung tâm GDTX nơi học lớp 12.

- Mỗi trường THPT, trường phổ thông DTNT, trung tâm GDTX, trung tâm GDNN - GDTX là các đơn vị tiếp nhận đăng ký dự thi (gọi tắt là đơn vị ĐKDT). Danh mục các điểm tiếp nhận được đính kèm. Các đơn vị ĐKDT tổ chức cho các đối tượng ĐKDT theo quy định tại Điều 12 của Quy chế thi. Lưu ý một số điểm sau:

+ Các đơn vị ĐKDT chịu trách nhiệm hướng dẫn thí sinh điền vào Phiếu ĐKDT đầy đủ và đúng các thông tin, đặc biệt là các thông tin về chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ĐH, CĐ; rà soát hồ sơ đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT để đảm bảo độ chính xác của các thông tin thí sinh điền vào Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, đặc biệt là chế độ ưu tiên để được cộng điểm khuyến khích và điểm ưu tiên; có những biện pháp giúp thí sinh có đủ các loại giấy chứng nhận để được hưởng cộng điểm khuyến khích và điểm ưu tiên (nếu có); xem xét và quyết định điều kiện dự thi của thí sinh. **Tuyệt đối không tiếp nhận hồ sơ không hợp lệ.**

+ Các đơn vị ĐKDT chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho việc ĐKDT (ví dụ: nơi đón tiếp thí sinh đến đăng ký, máy ảnh, máy vi tính, Phiếu ĐKDT, Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, Túi hồ sơ,...); tổ chức kiểm tra, kiểm tra chéo thông tin thí sinh ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, đặc biệt lưu ý các thông tin về chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ĐH, CĐ, trong xét công nhận tốt nghiệp THPT.

+ Thí sinh ĐKDT tại các đơn vị ĐKDT thi theo đúng quy định của Sở GDĐT. Các thông tin về mã tỉnh, mã huyện (quận), xã (phường), mã trường phổ thông, khu vực, đối tượng ưu tiên do Bộ GDĐT quy định.

+ Với môn Ngoại ngữ, thí sinh được tự chọn để ĐKDT một trong các thứ tiếng: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức hoặc Tiếng Nhật. Thí sinh được đăng ký thi môn Ngoại ngữ khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông; thí sinh là học viên GDTX được ĐKDT môn Ngoại ngữ.

+ Các trường hợp được miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT: Thực hiện theo Phụ lục 2 Kèm theo Công văn số 417/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 10/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Bộ Giáo dục và

Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế thi trong tổ chức thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.

+ Thí sinh được sử dụng chứng chỉ môn Ngoại ngữ khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông để được miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2017; thí sinh là học viên GDTX được ĐKDT bài thi Ngoại ngữ để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ.

2. Thời hạn ĐKDT

- Từ ngày 01/4/2017 đến ngày 20/4/2017, các đơn vị ĐKDT thực hiện: thu hồ sơ ĐKDT (02 Phiếu đăng ký dự thi, bản photocopy 2 mặt Chứng minh nhân dân trên 1 mặt giấy A4, 02 ảnh 4x6 cm và 01 phong bì thư đã dán tem ghi rõ tên địa chỉ nhận của thí sinh để trong túi đựng hồ sơ theo mẫu của Bộ GDĐT), nhập dữ liệu của thí sinh vào phần mềm QLT. Sau khi đã nhập xong dữ liệu, cán bộ máy tính in thông tin ĐKDT của thí sinh từ phần mềm QLT, giao giáo viên chủ nhiệm hoặc cán bộ được phân công để tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận.

Sau ngày 20/4/2017, thí sinh không được thay đổi Điểm thi và các thông tin về bài thi/môn thi đã đăng ký.

- Trước ngày 25/4/2017, các đơn vị ĐKDT in danh sách ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của tên học sinh, lớp thí sinh đang học, theo thí sinh tự do; thí sinh ký xác nhận thông tin ĐKDT trên danh sách.

- Trước ngày 05/5/2017, các đơn vị ĐKDT kiểm tra, kiểm tra chéo thông tin thí sinh, bàn giao danh sách và Phiếu ĐKDT cho Sở GDĐT.

- Chậm nhất đến ngày 25/5/2017, các đơn vị ĐKDT hoàn thành việc: thu hồ sơ đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT; nhập dữ liệu của thí sinh vào phần mềm QLT. Ngay sau khi nhập xong dữ liệu, cán bộ máy tính in thông tin đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT của thí sinh từ phần mềm QLT, giao cho giáo viên chủ nhiệm hoặc cán bộ được phân công tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận. Thí sinh tự do có thể nộp hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT cùng hồ sơ ĐKDT.

- Đơn vị ĐKDT kiểm tra hồ sơ ĐKDT và các hồ sơ có liên quan đến kỳ thi, xem xét điều kiện dự thi của từng thí sinh, xác nhận tư cách thí sinh, quyết định không cho thí sinh dự thi nếu không đủ điều kiện và hồ sơ hợp lệ; đồng thời, thông báo trực tiếp cho thí sinh.

- Phiếu ĐKDT số 1 lưu tại đơn vị ĐKDT, Phiếu ĐKDT số 2 giao lại cho thí sinh.

- Đơn vị ĐKDT chịu trách nhiệm bảo quản Phiếu ĐKDT số 1, Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT kèm theo, Danh sách thí sinh ĐKDT để xuất trình kịp thời phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, công tác xét công nhận tốt nghiệp THPT và yêu cầu sửa chữa (nếu có).

- Khi làm thủ tục dự thi, thí sinh phải có Chứng minh nhân dân. Các sở GDĐT, các trường phổ thông hướng dẫn để học sinh có Chứng minh nhân dân trước khi nộp Phiếu ĐKDT. Trong trường hợp không có Chứng minh nhân dân thì phần mềm QLT sẽ gán cho thí sinh một mã số gồm 12 ký tự để quản lý. Những thí sinh muốn điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển ĐH, CĐ thì phải

đăng ký số điện thoại, email của mình khi ĐKDT (lưu ý thí sinh đã đăng ký sơ tuyển phải dùng Chứng minh nhân dân thống nhất khi ĐKDT và đăng ký sơ tuyển).

- Sau khi nộp Phiếu ĐKDT, thí sinh sẽ được đơn vị ĐKDT cấp một tài khoản và mật khẩu để đăng nhập vào phần mềm QLT qua internet tại địa chỉ <http://thisinh.thithptquocgia.edu.vn>. Tài khoản này được thí sinh dùng để đăng nhập vào phần mềm QLT từ khi ĐKDT đến khi xem kết quả thi, xét công nhận tốt nghiệp THPT, xét tuyển sinh ĐH, CĐ. Để bảo mật thông tin, khi nhận được tài khoản và mật khẩu thí sinh nên thay đổi ngay mật khẩu. Thí sinh cần phải bảo mật tài khoản và mật khẩu của mình.

Trong trường hợp thí sinh quên tài khoản và mật khẩu thì có thể liên hệ với đơn vị ĐKDT để xin cấp lại.

Tùy từng thời điểm, khi đăng nhập vào phần mềm QLT, thí sinh có thể biết được các thông tin như: Thông tin ĐKDT (phản hồi các sai sót nếu có trước ngày 25/4/2017); thông tin xét công nhận tốt nghiệp THPT (phản hồi các sai sót nếu có trước ngày 25/5/2017); Giấy báo dự thi; Địa điểm thi; Kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT; Kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ.

III. KIỂM TRA HỒ SƠ

1. Việc kiểm tra hồ sơ ĐKDT của thí sinh: Do đơn vị ĐKDT tổ chức và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ thi.

2. Nội dung và cách thức kiểm tra

Các đơn vị ĐKDT tổ chức kiểm tra hồ sơ ĐKDT và xét công nhận tốt nghiệp của thí sinh, chú ý các vấn đề sau:

- Kiểm tra về số lượng các loại hồ sơ ĐKDT của thí sinh theo quy định tại **mục I** nêu trên.

- Đối chiếu giữa các loại hồ sơ: Phiếu ĐKDT, các giấy tờ liên quan và các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ ưu tiên, cộng điểm khuyến khích, danh sách thí sinh trong các biểu mẫu do trường phổ thông lập để kiểm tra sự trùng khớp về họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh của thí sinh.

- Kiểm tra học bạ: học bạ phải ghi đầy đủ những mục đã quy định theo đúng bản hướng dẫn sử dụng học bạ của Bộ GDĐT; học sinh phải học đủ các môn theo quy định, đủ các lớp của cấp học; việc cộng điểm, xếp loại hạnh kiểm và học lực phải chính xác, điểm số ghi trong học bạ phải khớp điểm số ghi trong sổ gọi tên và ghi điểm; phải được duyệt lên lớp ở các lớp dưới; có đủ chữ ký của các giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và Hiệu trưởng; với những môn kiểm tra lại, yêu cầu trong học bạ phải ghi rõ điểm của bài kiểm tra lại.

- Kiểm tra tính hợp lệ của các loại giấy chứng nhận để được hưởng chế độ ưu tiên, cộng điểm khuyến khích: thẩm quyền cấp giấy chứng nhận; sự phù hợp đối tượng, điều kiện để được hưởng chế độ ưu tiên, cộng điểm khuyến khích với quy định của Quy chế thi.

- Kiểm tra tính chính xác của việc cộng điểm khuyến khích, xếp diện ưu tiên và điểm bảo lưu của thí sinh.

- Kiểm tra các thông tin ghi trên ảnh và phong bì của thí sinh nộp; việc nhập thông, ảnh của thí sinh vào phần mềm QLT.

- Khi tiến hành kiểm tra, nếu phát hiện thí sinh thiếu hồ sơ, hồ sơ chưa hợp lệ, cần bổ sung hoàn chỉnh, các nhóm kiểm tra phải ghi vào biên bản để báo cáo với Hiệu trưởng trường phổ thông.

- Sở GDĐT sẽ thành lập đoàn kiểm tra, xử lý các đơn vị ĐKDT thuộc phạm vi quản lý vi phạm việc thực hiện các công việc như: hướng dẫn thí sinh ĐKDT, thu hồ sơ ĐKDT, hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT, cập nhật dữ liệu vào phần mềm QLT.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị khẩn trương triển khai, thực hiện. Nếu có vướng mắc hoặc đề xuất, các đơn vị báo cáo ngay về Sở (qua phòng Khảo thí, quản lý chất lượng giáo dục và Công nghệ thông tin) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

Nơi nhận: 

- Như trên (để thực hiện);
- Giám đốc (để báo cáo);
- Phó Giám đốc phụ trách (để theo dõi);
- Lưu: VT; KTQLCLGDCNTT;
GDTX-CN; GDTrH; Thanh tra Sở.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Trọng Thắng

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(Kèm theo Công văn số 354/SGDDĐT-KTQLCLGDCNTT ngày 24/3/2017
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum)

SỞ GDĐT.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MÃ SỐ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phiếu:

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(Thí sinh dự thi chỉ để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ thì **KHÔNG PHẢI** khai Phiếu này.
Thí sinh nộp Phiếu này tại nơi thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi THPT quốc gia)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô bên trái)

Ngày

Tháng

Năm

3. **Nơi sinh** (Tỉnh hoặc thành phố):

4. **Dân tộc** (Ghi bằng chữ):

5. **Giấy chứng minh nhân dân số** (Ghi mỗi số vào một ô)

6. **Thí sinh tự do** (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu là thí sinh tự do)

B. THÔNG TIN ĐỀ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

7. **Điểm trung bình cả năm lớp 12:**

8. **Xếp loại cuối năm lớp 12:** Hạnh kiểm:..... Học lực:.....

9. **Hình thức giáo dục phổ thông:** (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng)

THPT

GDTX

Đối với hình thức GDTX, ghi rõ năm hoàn thành chương trình GDTX cấp THPT

10. **Đối tượng miễn thi tốt nghiệp:** (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu thuộc đối tượng miễn thi tốt nghiệp)

11. **Điểm khuyến khích được cộng thêm:**

- Chứng nhận nghề phổ thông, xếp loại:, điểm cộng:

- Đạt giải trong các kỳ thi (chọn giải cao nhất) do Ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn khác từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT, gồm:

+ Thi học sinh giỏi các môn văn hoá: giải, điểm cộng:.....;

+ Thi thí nghiệm thực hành (Vật lý, Hoá học, Sinh học), thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế: giải, điểm cộng:.....;

- Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ:, điểm cộng:

- Chứng chỉ tin học trình độ:, điểm cộng:

- Tổng điểm được cộng thêm:, (không quá 4 điểm)

12. **Điện ưu tiên xét tốt nghiệp:** (Ghi kí hiệu theo diện hướng dẫn).....

C. HỒ SƠ KÈM THEO

- | | | | | |
|--|----|--------------------------|-------|--------------------------|
| 1. Học bạ:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 2. Giấy khai sinh (bản sao):..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 3. Bằng tốt nghiệp THCS hoặc trung cấp (bản sao):..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 4. Chứng nhận miễn thi tốt nghiệp:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 5. Chứng chỉ miễn thi ngoại ngữ:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 6. Giấy chứng nhận nghề:..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 7. Giấy chứng nhận đạt giải trong các kỳ thi:... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 8. Chứng chỉ ngoại ngữ (GDTX):..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 9. Chứng chỉ tin học (GDTX):..... | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |

10. Giấy xác nhận điểm bảo lưu:..... Có không

11. Giấy tờ khác (nếu có):.....

D. CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ghi chú: Sau ngày thi, mọi yêu cầu sửa đổi bổ sung nội dung lời khai sẽ không được chấp nhận.
Ngày tháng năm 2017.

Chữ ký của thí sinh

Ngày tháng năm 2017

Người nhận

(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

.....

Ngày tháng năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ĐKDT

(Ký tên và đóng dấu)

.....

.....

Mặt sau:

HƯỚNG DẪN VỀ CÁC ĐIỆN ƯU TIÊN VÀ ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH

I. ĐIỆN ƯU TIÊN XÉT TỐT NGHIỆP THPT

Thí sinh thuộc một trong các điện:

1. Điện 1: Không được cộng điểm ưu tiên.

Còn gọi là điện bình thường.

Ký hiệu: D1

2. Điện 2: cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

a) - Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh mất sức lao động dưới 81% (chỉ với GDTX); Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động.

Ký hiệu:

D2-TB2

- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con Bà mẹ VN anh hùng. Ký hiệu: D2-CAH

- Người dân tộc thiểu số.

Ký hiệu: D2-TS2

- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên (tính đến ngày tổ chức kỳ thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất 2 phần 3 thời gian học cấp THPT.

Ký

hiệu: D2-VS2

- Người bị nhiễm chất độc màu da cam; con của người bị nhiễm chất độc màu da cam; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học.

Ký hiệu: D2-CHH

- Có tuổi đời từ 35 tuổi trở lên, tính đến ngày thi.

Ký hiệu: D2-T35

3. Điện 3: cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Người dân tộc thiểu số, bản thân có hộ khẩu thường trú ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, đang học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương.

Ký

hiệu: D3-TS3

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX).

Ký hiệu: D3-TB3

- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

Ký hiệu: D3-CLS

* Học sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên thì chỉ hưởng theo tiêu chuẩn cao nhất.

II. ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH

1. Đạt giải cá nhân kỳ thi học sinh giỏi bộ môn văn hoá lớp 12:

- Giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh: 1,0 điểm.

2. Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:

- Đạt giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Bạc: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: 1,0 điểm.

* Giải đồng đội chỉ tính cho giải quốc gia, mức điểm cộng thêm giống như giải cá nhân.

* Học sinh đạt nhiều giải khác nhau thì chỉ được hưởng mức cộng điểm của giải cao nhất.

3. Được cấp Giấy chứng nhận nghề:

- Loại giỏi: 2,0 điểm.
- Loại khá: 1,5 điểm.
- Loại trung bình: 1,0 điểm.

4. Nếu học viên GDTX có chứng chỉ Ngoại ngữ A hoặc Tin học A trở lên (kể cả kỹ thuật viên): được cộng thêm 1,0 điểm cho mỗi loại chứng chỉ.

* Điểm khuyến khích tối đa của các mục 1,2,3,4 trên không quá 4,0 điểm.

* Điểm khuyến khích quy định của các mục 1,2,3,4 trên được bảo lưu trong

DANH SÁCH ĐIỂM TIẾP NHẬN

(Kèm theo Công văn số 354/SGDDĐT-KTQLCLGDCNTT ngày 24/3/2017
của Sở GDĐT Kon Tum)

STT	Mã	Tên	Mã huyện	Tên đăng nhập
1	001	THPT Kon Tum	01	dtn 36 001
2	002	PT DTNT tỉnh	01	dtn 36 002
3	003	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	01	dtn 36 003
4	005	PT DTNT Sa Thầy	05	dtn 36 005
5	006	PT DTNT Đăk Hà	07	dtn 36 006
6	007	PT DTNT Đăk Tô	04	dtn 36 007
7	017	PT DTNT Kon Plong	06	dtn 36 017
8	018	Trung tâm GDTX Tỉnh	01	dtn 36 018
9	020	THPT Duy Tân	01	dtn 36 020
10	021	PT DTNT Ngọc Hồi	03	dtn 36 021
11	022	PT DTNT Đăk Glei	02	dtn 36 022
12	024	PT DTNT Kon Rẫy	08	dtn 36 024
13	025	THPT Lê Lợi	01	dtn 36 025
14	026	THPT Nguyễn Văn Cừ	04	dtn 36 026
15	027	THPT Nguyễn Trãi	03	dtn 36 027
16	030	THPT Trần Quốc Tuấn	07	dtn 36 030
17	031	PT DTNT Tu Mơ Rông	09	dtn 36 031
18	032	THPT Nguyễn Du	07	dtn 36 032
19	033	THPT Lương Thế Vinh	02	dtn 36 033
20	034	THPT Quang Trung	05	dtn 36 034
21	035	THPT Chu Văn An	08	dtn 36 035
22	036	THPT Ngô Mây	01	dtn 36 036
23	041	THPT Trường Chinh	01	dtn 36 041
24	046	THPT Phan Bội Châu	01	dtn 36 046
25	047	THPT Phan Chu Trinh	03	dtn 36 047
26	048	Phân hiệu THPT Lương Thế Vinh	02	dtn 36 048
27	049	Phân hiệu PT DTNT Kon Plong	06	dtn 36 049
28	050	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Hà	07	dtn 36 050
29	051	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Tô	04	dtn 36 051
30	052	Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Hồi	03	dtn 36 052
31	053	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Glei	02	dtn 36 053
32	054	Trung tâm GDNN-GDTX Sa Thầy	05	dtn 36 054
33	055	Trung tâm GDNN-GDTX Kon Rẫy	08	dtn 36 055
34	056	Trung tâm GDNN-GDTX Kon Plong	06	dtn 36 056
35	057	Trung tâm GDNN-GDTX Tu Mơ Rông	09	dtn 36 057

Danh sách này có 35 đơn vị.

DANH MỤC XÃ KHỔ KHĂN

(Kèm theo Công văn số 345/SGDDĐT-KTQLCLGDCCNTT, ngày 24/3/2017 của Sở GDĐT Kon Tum)

MT	Tỉnh	MH	Huyện	MX	Xã	Dấu * là Xã, Thôn ĐBK	Ghi chú
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	01	Phường Duy Tân		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	02	Phường Lê Lợi		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	03	Phường Ngô Mạnh	*	
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	04	Phường Nguyễn Trãi		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	05	Phường Quang Trung		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	06	Phường Quyết Thắng		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	07	Phường Thắng Lợi		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	08	Phường Thống Nhất		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	09	Phường Trần Hưng Đạo		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	10	Phường Trường Chinh		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	11	Xã Chư Heng	*	
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	12	Xã Đăk Blà	*	
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	13	Xã Đăk Cấm		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	14	Xã Đăk Năng		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	15	Xã Đăk Rơ Wa	*	
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	16	Xã Đoàn Kết	*	
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	17	Xã Hòa Bình		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	18	Xã Ia Chim		
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	19	Xã Kroong	*	
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	20	Xã Ngok Bay	*	
36	TỈNH KON TUM	01	THÀNH PHỐ KON TUM	21	Xã Vinh Quang	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐĂK GLEI	01	Thị trấn Đăk Gleï	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐĂK GLEI	02	Xã Đăk Biô	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐĂK GLEI	03	Xã Đăk Choong	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐĂK GLEI	04	Xã Đăk Kroong	*	

MT	Tỉnh	MH	Huyện	MX	Xã	Dấu * là Xã, Thôn ĐBK	Lý do
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐẮK GLEI	05	Xã Đăk Long	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐẮK GLEI	06	Xã Đăk Man	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐẮK GLEI	07	Xã Đăk Môn	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐẮK GLEI	08	Xã Đăk Nhoong	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐẮK GLEI	09	Xã Đăk Pét	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐẮK GLEI	10	Xã Mường Hoong	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐẮK GLEI	11	Xã Ngọc Linh	*	
36	TỈNH KON TUM	02	HUYỆN ĐẮK GLEI	12	Xã Xốp	*	
36	TỈNH KON TUM	03	HUYỆN NGỌC HỒI	01	Thị trấn Plei Kân		
36	TỈNH KON TUM	03	HUYỆN NGỌC HỒI	02	Xã Bờ Y	*	
36	TỈNH KON TUM	03	HUYỆN NGỌC HỒI	03	Xã Đăk Ang	*	
36	TỈNH KON TUM	03	HUYỆN NGỌC HỒI	04	Xã Đăk Dục	*	
36	TỈNH KON TUM	03	HUYỆN NGỌC HỒI	05	Xã Đăk Kan	*	
36	TỈNH KON TUM	03	HUYỆN NGỌC HỒI	06	Xã Đăk Nông	*	
36	TỈNH KON TUM	03	HUYỆN NGỌC HỒI	07	Xã Đăk Xú	*	
36	TỈNH KON TUM	03	HUYỆN NGỌC HỒI	08	Xã Sa Loong	*	
36	TỈNH KON TUM	04	HUYỆN ĐẮK TÔ	01	Thị trấn Đăk Tô		
36	TỈNH KON TUM	04	HUYỆN ĐẮK TÔ	02	Xã Đăk Rơ Nga	*	
36	TỈNH KON TUM	04	HUYỆN ĐẮK TÔ	03	Xã Đăk Trăm	*	
36	TỈNH KON TUM	04	HUYỆN ĐẮK TÔ	04	Xã Diên Bình	*	
36	TỈNH KON TUM	04	HUYỆN ĐẮK TÔ	05	Xã Kon Đào		
36	TỈNH KON TUM	04	HUYỆN ĐẮK TÔ	06	Xã Ngọc Tụ	*	
36	TỈNH KON TUM	04	HUYỆN ĐẮK TÔ	07	Xã Pô Kô	*	
36	TỈNH KON TUM	04	HUYỆN ĐẮK TÔ	08	Xã Tân Cảnh		
36	TỈNH KON TUM	04	HUYỆN ĐẮK TÔ	09	Xã Văn Lem	*	
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	01	Thị trấn Sa Thầy	*	
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	02	Xã Hơ Moong	*	
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	03	Xã Mố Rai	*	
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	04	Xã Rô Koi	*	
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	05	Xã Sa Bình	*	
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	06	Xã Sa Nghĩa	*	
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	07	Xã Sa Nhơn		

MT	Tỉnh	MH	Huyện	MX	Xã	Dấu * là Xã, Thôn ĐBK	Lý do
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	08	Xã Sa Som		
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	09	Xã Ya Ly	*	
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	10	Xã Ya Tăng	*	
36	TỈNH KON TUM	05	HUYỆN SA THẦY	11	Xã Ya Xiêr	*	
36	TỈNH KON TUM	06	HUYỆN KON PLÔNG	01	Xã Đăk Long	*	
36	TỈNH KON TUM	06	HUYỆN KON PLÔNG	02	Xã Đăk Nèn	*	
36	TỈNH KON TUM	06	HUYỆN KON PLÔNG	03	Xã Đăk Rìng	*	
36	TỈNH KON TUM	06	HUYỆN KON PLÔNG	04	Xã Đăk Tăng	*	
36	TỈNH KON TUM	06	HUYỆN KON PLÔNG	05	Xã Hiếu	*	
36	TỈNH KON TUM	06	HUYỆN KON PLÔNG	06	Xã Măng Bút	*	
36	TỈNH KON TUM	06	HUYỆN KON PLÔNG	07	Xã Măng Cành	*	
36	TỈNH KON TUM	06	HUYỆN KON PLÔNG	08	Xã Ngọc Tem	*	
36	TỈNH KON TUM	06	HUYỆN KON PLÔNG	09	Xã Pờ E	*	
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	01	Thị trấn Đăk Hà	*	
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	02	Xã Đăk Hring	*	
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	03	Xã Đăk La	*	
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	04	Xã Đăk Mar		
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	05	Xã Đăk Long	*	
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	06	Xã Đăk Uí	*	
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	07	Xã Hà Mòn		
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	08	Xã Ngọc Réo	*	
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	09	Xã Đăk Ngok	*	
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	10	Xã Ngọc Wang	*	
36	TỈNH KON TUM	07	HUYỆN ĐĂK HÀ	11	Xã Đăk Pxi	*	
36	TỈNH KON TUM	08	HUYỆN KON RÂY	01	Thị trấn Đăk Rve	*	
36	TỈNH KON TUM	08	HUYỆN KON RÂY	02	Xã Đăk Kôí	*	
36	TỈNH KON TUM	08	HUYỆN KON RÂY	03	Xã Đăk Pnc	*	
36	TỈNH KON TUM	08	HUYỆN KON RÂY	04	Xã Đăk Ruông	*	
36	TỈNH KON TUM	08	HUYỆN KON RÂY	05	Xã Đăk Tơ Lung	*	
36	TỈNH KON TUM	08	HUYỆN KON RÂY	06	Xã Đăk Tô Re	*	
36	TỈNH KON TUM	08	HUYỆN KON RÂY	07	Xã Tân Lập	*	

MT	Tỉnh	MH	Huyện	MX	Xã	Dấu * là Xã, Thôn ĐBK	Lý do
36	TỈNH KON TUM	10	HUYỆN IA H'DRAI	01	Ia Dal	*	
36	TỈNH KON TUM	10	HUYỆN IA H'DRAI	02	Ia Toi	*	
36	TỈNH KON TUM	10	HUYỆN IA H'DRAI	03	Ia Dom	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	01	Xã Đăk Hà	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	02	Xã Đăk Na	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	03	Xã Đăk Rơ Ông	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	04	Xã Đăk Sao	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	05	Xã Đăk Tờ Kan	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	06	Xã Măng Ri	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	07	Xã Ngọc Lậy	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	08	Xã Ngọc Yếu	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	09	Xã Tê Xăng	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	10	Xã Tu Mơ Rông	*	
36	TỈNH KON TUM	09	HUYỆN TU MƠ RÔNG	11	Xã Văn Xúoi	*	

Danh sách này gồm có 102 xã./.

DANH MỤC TRƯỜNG THPT

(Kèm theo Công văn số 354/SGDĐT-KTQLCIGDCNNT, ngày 24/3/2017 của Sở GD&ĐT Kon Tum)

STT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã Trường	Tên Trường	Sở GD&ĐT	Địa chỉ	Mã xã	Tên Xã	Khu vực	Ghi chú
1	36	Kon Tum	001	THPT Kon Tum	Sở GD&ĐT Kon Tum	Ph. Quyết Thắng - Tp Kon Tum - Kon Tum	06	Phường Quyết Thắng	KV 1	
2	36	Kon Tum	002	PT DTNT tỉnh Kon Tum	Sở GD&ĐT Kon Tum	Ph. Quyết Thắng - Tp Kon Tum - Kon Tum	06	Phường Quyết Thắng	KV 1	
3	36	Kon Tum	003	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Sở GD&ĐT Kon Tum	Ph. Thống Nhất - Tp Kon Tum	08	Phường Thống Nhất	KV 1	
4	36	Kon Tum	005	PT DTNT Sa Thầy	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Sa Thầy - Kon Tum	01	Thị trấn Sa Thầy	KV 1	
5	36	Kon Tum	006	PT DTNT Đăk Hà	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Hà - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Hà	KV 1	
6	36	Kon Tum	007	PT DTNT Đăk Tô	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Tô - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Tô	KV 1	
7	36	Kon Tum	008	Phòng GD&ĐT huyện Đăk Gleï	Sở GD&ĐT Kon Tum	Huyện Đăk Gleï - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Gleï	KV 1	
8	36	Kon Tum	009	Phòng GD&ĐT huyện Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT Kon Tum	Huyện Ngọc Hồi - Kon Tum	01	Thị trấn Plei Kần	KV 1	
9	36	Kon Tum	010	Phòng GD&ĐT huyện Đăk Tô	Sở GD&ĐT Kon Tum	Huyện Đăk Tô - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Tô	KV 1	
10	36	Kon Tum	011	Phòng GD&ĐT huyện Đăk Hà	Sở GD&ĐT Kon Tum	Huyện Đăk Hà - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Hà	KV 1	
11	36	Kon Tum	012	Phòng GD&ĐT huyện Sa Thầy	Sở GD&ĐT Kon Tum	Huyện Sa Thầy - Kon Tum	01	Thị trấn Sa Thầy	KV 1	
12	36	Kon Tum	013	Phòng GD&ĐT Tp Kon Tum	Sở GD&ĐT Kon Tum	Phường Thắng Lợi - Tp Kon Tum - Kon Tum	07	Phường Thắng Lợi	KV 1	
13	36	Kon Tum	014	Phòng GD&ĐT huyện Kon Plông	Sở GD&ĐT Kon Tum	Huyện Kon Plông - Kon Tum	01	Xã Đăk Long	KV 1	
14	36	Kon Tum	015	CD Sư phạm Kon Tum	Sở GD&ĐT Kon Tum	Ph. Thống Nhất - Tp Kon Tum	08	Phường Thống Nhất	KV 1	
15	36	Kon Tum	016	CB Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum	Sở GD&ĐT Kon Tum	Ph. Ngô Mỹ - Tp Kon Tum - Kon Tum	03	Phường Ngô Mỹ	KV 1	
16	36	Kon Tum	017	PT DTNT Kon Plông	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Kon Plông - Kon Tum	01	Xã Đăk Long	KV 1	

STT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã Trường	Tên Trường	Số GD&ĐT	Địa chỉ	Mã xã	Tên Xã	Khu vực	Ghi chú
17	36	Kon Tum	018	TT GD TX Tỉnh	Số GD&ĐT Kon Tum	Ph. Thăng Lợi - Tp Kon Tum - Kon Tum	07	Phường Thăng Lợi	KV 1	
18	36	Kon Tum	019	Trung học Y tế Kon Tum	Số GD&ĐT Kon Tum	Ph. Quyết Thắng -Tp Kon Tum - Kon Tum	06	Phường Quyết Thắng	KV 1	
19	36	Kon Tum	020	THPT Duy Tân	Số GD&ĐT Kon Tum	Ph. Duy Tân - TP Kon Tum - Kon Tum	01	Phường Duy Tân	KV 1	
20	36	Kon Tum	021	PT DTNT Ngọc Hồi	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Ngọc Hồi - Kon Tum	01	Thị trấn Plei Kàn	KV 1	
21	36	Kon Tum	022	PT DTNT Đăk Glei	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Glei - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Glei	KV 1	
22	36	Kon Tum	023	Phòng GD&ĐT huyện Kon Rẫy	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Kon Rẫy - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Rve	KV 1	
23	36	Kon Tum	024	PT DTNT Kon Rẫy	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Kon Rẫy - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Rve	KV 1	
24	36	Kon Tum	025	THPT Lê Lợi	Số GD&ĐT Kon Tum	Ph. Lê Lợi - Tp Kon Tum - Kon Tum	02	Phường Lê Lợi	KV 1	
25	36	Kon Tum	026	THPT Nguyễn Văn Cừ	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Tô - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Tô	KV 1	
26	36	Kon Tum	027	THPT Nguyễn Trãi	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Ngọc Hồi - Kon Tum	01	Thị trấn Plei Kàn	KV 1	
27	36	Kon Tum	028	TT GD TX Đăk Hà	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Hà - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Hà	KV 1	
28	36	Kon Tum	029	Phòng GD&ĐT huyện Tu Mơ Rông	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Tu Mơ Rông - Kon Tum	01	Xã Đăk Hà	KV 1	
29	36	Kon Tum	030	THPT Trần Quốc Tuấn	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Hà - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Hà	KV 1	
30	36	Kon Tum	031	PT DTNT Tu Mơ Rông	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Tu Mơ Rông - Kon Tum	01	Xã Đăk Hà	KV 1	
31	36	Kon Tum	032	THPT Nguyễn Du	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Hà - Kon Tum	02	Xã Đăk Hring	KV 1	
32	36	Kon Tum	033	THPT Lương Thế Vinh	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Glei - Kon Tum	09	Xã Đăk Pét	KV 1	
33	36	Kon Tum	034	THPT Quang Trung	Số GD&ĐT Kon Tum	H. Sa Thầy - Kon Tum	01	Thị trấn Sa Thầy	KV 1	

STT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã Trường	Tên Trường	Sở GD&ĐT	Địa chỉ	Mã xã	Tên Xã	Khu vực	Ghi chú
34	36	Kon Tum	035	THPT Chu Văn An	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Kon Rẫy - Kon Tum	04	Xã Đak Ruồng	KV 1	
35	36	Kon Tum	036	THPT Ngô Mây	Sở GD&ĐT Kon Tum	Ph. Ngô Mây - Tp Kon Tum - Kon Tum	03	Phường Ngô Mây	KV 1	
36	36	Kon Tum	037	TT GDTX Đăk Glei	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Glei - KonTum	01	Thị trấn Đăk Glei	KV 1	
37	36	Kon Tum	038	Trường TC Nghệ Kon Tum	Sở GD&ĐT Kon Tum	Ph. Nguyễn Trãi - Tp Kon Tum - Kon Tum	04	Phường Nguyễn Trãi	KV 1	
38	36	Kon Tum	041	THPT Trường Chinh	Sở GD&ĐT Kon Tum	Ph. Trường Chinh - Tp Kon Tum - Kon Tum	10	Phường Trường Chinh	KV 1	
39	36	Kon Tum	042	TT GDTX Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Ngọc Hồi- Kon Tum	01	Thị trấn Plei Kàn	KV 1	
40	36	Kon Tum	043	TT GDTX Sa Thầy	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Sa Thầy - Kon Tum	01	Thị trấn Sa Thầy	KV 1	
41	36	Kon Tum	044	TT GDTX Kon Rẫy	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Kon Rẫy - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Rve	KV 1	
42	36	Kon Tum	045	TT GDTX Đăk Tô	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Tô - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Tô	KV 1	
43	36	Kon Tum	046	THPT Phan Bội Châu	Sở GD&ĐT Kon Tum	Xã Ya Chim - Tp Kon Tum - Kon Tum	18	Xã Ia Chim	KV 1	
44	36	Kon Tum	047	THPT Phan Chu Trinh	Sở GD&ĐT Kon Tum	Xã Đăk Dục - H. Ngọc Hồi - Kon Tum	04	Xã Đăk Dục	KV 1	
45	36	Kon Tum	048	Phân hiệu THPT Lương Thế Vinh	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Glei - Kon Tum	03	Xã Đăk Choong	KV 1	
46	36	Kon Tum	049	Phân hiệu PT DTNT Kon Plong	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Kon Plông - KonTum	04	Xã Đăk Tăng	KV 1	
47	36	Kon Tum	800	Học ở nước ngoài_36	Sở GD&ĐT Kon Tum				KV 3	
48	36	Kon Tum	900	Quản nhân, Công an tại ngã 36	Sở GD&ĐT Kon Tum				KV 3	
49	36	Kon Tum	902	Phòng GD&ĐT huyện Đăk Glei	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Glei - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Glei	KV 1	
50	36	Kon Tum	903	Phòng GD&ĐT huyện Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Ngọc Hồi - Kon Tum	01	Thị trấn Plei Kàn	KV 1	

STT	Mã tỉnh	Tên tỉnh	Mã Trường	Tên Trường	Sở GD&ĐT	Địa chỉ	Mã xã	Tên Xã	Khu vực	Ghi chú
51	36	Kon Tum	904	Phòng GD&ĐT huyện Đăk Tô	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Tô - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Tô	KV 1	
52	36	Kon Tum	905	Phòng GD&ĐT huyện Sa Thầy	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Sa Thầy - Kon Tum	01	Thị trấn Sa Thầy	KV 1	
53	36	Kon Tum	906	Phòng GD&ĐT huyện Kon Plông	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Kon Plông - Kon Tum	01	Xã Đăk Long	KV 1	
54	36	Kon Tum	907	Phòng GD&ĐT huyện Đăk Hà	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Hà - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Hà	KV 1	
55	36	Kon Tum	908	Phòng GD&ĐT huyện Kon Rẫy	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Kon Rẫy - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Rve	KV 1	
56	36	Kon Tum	909	Phòng GD&ĐT huyện Tu Mơ Rông	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Tu Mơ Rông - Kon Tum	01	Xã Đăk Hà	KV 1	
57	36	Kon Tum	050	Trung tâm GDDN-GD TX Đăk Hà	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Hà - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Hà	KV 1	Đổi tên năm 2016
58	36	Kon Tum	051	Trung tâm GDDN-GD TX Đăk Tô	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Tô - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Tô	KV 1	Đổi tên năm 2016
59	36	Kon Tum	052	Trung tâm GDDN-GD TX Ngọc Hồi	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Ngọc Hồi - Kon Tum	01	Thị trấn Plei Kân	KV 1	Đổi tên năm 2016
60	36	Kon Tum	053	Trung tâm GDDN-GD TX Đăk Glei	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Đăk Glei - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Glei	KV 1	Đổi tên năm 2016
61	36	Kon Tum	054	Trung tâm GDDN-GD TX Sa Thầy	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Sa Thầy - Kon Tum	01	Thị trấn Sa Thầy	KV 1	Đổi tên năm 2016
62	36	Kon Tum	055	Trung tâm GDDN-GD TX Kon Rẫy	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Kon Rẫy - Kon Tum	01	Thị trấn Đăk Rve	KV 1	Đổi tên năm 2016
63	36	Kon Tum	056	Trung tâm GDDN-GD TX Kon Plông	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Kon Plông - Kon Tum	01	Xã Đăk Long	KV 1	Đổi tên năm 2016
64	36	Kon Tum	057	Trung tâm GDDN-GD TX Tu Mơ Rông	Sở GD&ĐT Kon Tum	H. Tu Mơ Rông - Kon Tum	01	Xã Đăk Hà	KV 1	Thành lập năm 2016